

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07-3-2022

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Châm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung;

Ông Thạch Khêm.

Thư ký phiên tòa: Bà **Sơn Thị Hoa Lan**-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 07 tháng 3 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2021/TLST-HNGĐ, ngày 13-12-2021, về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24-02-2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Tr, sinh năm 1989; Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn Mỹ Ph, huyện Tân Ph, tỉnh Tiền Giang (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp Định Phú C, xã LTh, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10-10-2021, bản tự khai nguyên đơn chị Lê Thị Tr trình bày:

Vào ngày 27/6/2012, chị xác lập quan hệ hôn nhân với anh Nguyễn Thanh T, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, thời gian sống chung anh, chị có 02 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 04/4/2013 và Nguyễn Thị Cẩm D, sinh ngày 02/7/2014 đang sống chung với chị.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nguyên nhân xin ly hôn: Do cuộc sống hôn nhân thiếu sự tôn trọng lẫn nhau, không hòa thuận, phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến bất đồng quan điểm

sống, nên chị và anh T đã ly thân 06 năm nay, thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn đoàn tụ được.

Nay chị Tr yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 04/4/2013 và Nguyễn Thị Cẩm D, sinh ngày 02/7/2014, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu.

Chị Tr có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 08-02-2022, anh Nguyễn Thanh T trình bày:

Vào năm 2012, anh xác lập quan hệ hôn nhân với chị Lê Thị Tr, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, thời gian sống chung anh, chị có 02 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 04/4/2013 và Nguyễn Thị Cẩm D, sinh ngày 02/7/2014 đang sống chung với chị Tr.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nguyên nhân xin ly hôn: Vợ chồng sống chung do bất đồng quan điểm, nên chị Tr bỏ về nhà cha mẹ vợ sống, vợ chồng ly thân 06 năm nay và anh đồng ý ly hôn với chị Tr.

Về con chung: Anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 04/4/2013, không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thị Cẩm D, sinh ngày 02/7/2014 cho chị Tr nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu.

Anh T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Tr cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau đây: 01 chứng minh nhân dân tên Lê Thị Tr (photo), 01 sổ hộ khẩu gia đình (photo); Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 02 giấy khai sinh con; Bị đơn không có cung cấp chứng cứ.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Tr và anh Nguyễn Thanh T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Nguyễn Thanh T đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thị Cẩm D, sinh ngày 02/7/2014 cho chị Lê Thị Tr nuôi dưỡng; Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị Tr không có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Tr và anh Nguyễn Thanh T thống nhất không có nên không yêu cầu giải quyết.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:

Về con chung: Chị Lê Thị Tr yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 04/4/2013, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Thanh T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 04/4/2013, không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Nguyễn Thanh T có hộ khẩu thường trú tại huyện Tiểu Cần, theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị Tr và anh Nguyễn Thanh T kết hôn vào năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Quá trình chung sống anh, chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nên sống ly thân 06 năm nay. Thời gian ly thân anh, chị không hàn gắn đoàn tụ được, nên chị Tr yêu cầu được ly hôn với anh T; Bị đơn anh T đồng ý ly hôn với chị Tr. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Tr và anh T.

[3] *Về con chung*: Anh, chị có 02 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 04/4/2013 và Nguyễn Thị Cẩm D, sinh ngày 02/7/2014 đang sống chung với chị Tr, chị Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung. Anh T đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thị Cẩm D, sinh ngày 02/7/2014 cho chị Tr nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại bản tự khai ngày 13/12/2021, cháu D có nguyện vọng được sống chung với chị Tr. Sự thỏa thuận này của chị Tr và anh T là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 04/4/2013, chị Tr và anh T đều có yêu cầu nuôi dưỡng. Xét thấy, trong thời gian anh, chị sống ly thân cháu Tiên do chị Tr chăm sóc nuôi dưỡng và tại bản tự khai ngày 13/12/2021, cháu Tiên có nguyện vọng được sống chung với chị Tr. Căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Tr; Do chị Tr không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung nên không giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Lê Thị Tr và anh Nguyễn Thanh T thống nhất khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, 228, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 71, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Tr.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Tr và anh Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Thanh T đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thị Cẩm D, sinh ngày 02/7/2014 cho chị Tr nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung; Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị Tr không có yêu cầu.

Chị Lê Thị Tr được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 04/4/2013 theo nguyện vọng của con chung; Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị Tr không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Tr và anh Nguyễn Thanh T thống nhất khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Tr phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002871, ngày 13-12-2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Chị Lê Thị Tr đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- CC THADS huyện Tiểu Cần;
- UBND xã Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mỹ Châm